TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22 /2019/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 8 năm 2019. (V/v ly hôn giữa anh V và chị **B***)*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đán Văn Đường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông **Phùng Ngọc Tuấn**

2. Bà **: Lục Thị Nhung**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Hoàng Thị Điên** - Thẩm tra V, Tòa án nhân dân huyện **V**, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Vương Thị Chiêm** - Kiểm sát V.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện **V**, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019: về ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1322/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn V** - Sinh năm: 1989;
Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Làm ruộng
Địa chỉ: Thôn Bản Lủa, xã **L**, huyện **V**, tỉnh H (có mặt).
- *Bị đơn:* Chị **Hoàng Thị B -** Sinh năm 1992;
Dân tộc: Tày; Nghề nghiệp: Công nhân.
Địa chỉ: Thôn Nà Lách, xã **L**, huyện **V**, tỉnh H (có mặt).

NỘI DUNG VU ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi 18/02/2019 và bản tự khai anh Nguyễn Văn V trình bày: Anh và chị Hoàng Thị **B** kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **L**, huyện **V**, tỉnh H vào ngày 18/4/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn là do chị **B** đi làm thuê, không có thời gian chăm sóc gia đình, vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau, chị **B** không quay về nhà nữa, sự mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả, chị **B** có những lời lẽ xúc phạm, đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa nên yêu cầu được giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có một con chung cháu **Nguyễn Thị Quỳnh L**, (sinh ngày 10/10/2012), hiện nay cháu đang ở cùng anh tại thôn Bản Lủa, xã **L**, huyện **V**. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu **L** đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh yêu cầu chị **B** phải cấp dưỡng nuôi cháu **L** mỗi thấng là 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản: có 01 ngôi nhà xây cấp 4 và nhà bếp khi ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên Tòa anh V giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn đối với chị **B**.

Về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng và giáo dục, không yêu cầu chị **B** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Tại bản tự khai viết tay ghi ngày 02- 4- 2019 và lời khai tại Tòa án, chị Hoàng Thị **B** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí với lời trình bày của anh V về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, quá trình xảy ra mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 cho đến nay. Hiện nay anh V xin ly hôn Chị **B** nhất trí ly hôn theo nguyện vọng anh V.

-Về con chung: Trong quá trình chung sống có một con chung cháu **Nguyễn Thị Quỳnh L** (sinh ngày 10/10/2012), khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc cháu **L**, chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: có 01 nhà xây cấp 4, lợp broxi măng, lát nền, diện tích sử dụng là 72m2 xây dựng năm 2013, trị giá 80 triệu đồng

- 01 nhà bếp xây cấp 4 và công trình phụ **L** quan diện tích sử dụng khoảng 20m2 tiền công xây dựng là 20.000.000đ xây dựng năm 2015, khi ly hôn chị nhất trí giao ngôi nhà đó cho anh V quản lý sử dụng, anh V có trách nhiệm thanh toán một phần trị giá ngôi nhà, bếp cho chị .

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị **B** giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn với anh V và nhất trí giao con cho anh V được nuôi dưỡng và giáo dục, chị không cấp dưỡng nuôi con chung, chị đề nghị anh V được thăm con theo quy định của pháp luật.

-Về tài sản chung: Chi nhất trí tự thỏa thuận với anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận tại phiên tòa, hôm nay Kiểm sát V phát biểu .

***** *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và hội đồng xét xử:*

Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định từ cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, vấn đề thu thập chứng cứ, thời hạn

chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 69, 196 và 198 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát để nghiên cứu, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thành phần tham gia xét xử hôm nay đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định tại Điều 63 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 239 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như về nguyên tắc xét xử và Thư ký phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, theo quy định của pháp luật.

** Quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn giữa anh V chị **B** là thực tế có căn cứ trong quá trình giải quyêt vụ án hai bên đã thỏa thuận ly hôn để giải phóng khỏi sự ràng buộc lẫn nhâu .Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55; của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị **B** và anh Nguyễn Văn V .

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu **Nguyễn Thị Quỳnh L** (sinh ngày 10/10/2012) cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. chị **B** được thăm con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên Tòa anh V không yêu cầu chị **B** cấp dưỡng nuôi con , chị **B** không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, chung: Chị **B** đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản và tự thỏa thuận, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, các đương sự có quyền chống án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. ***Về tố tụng dân sự:*** Anh Nguyễn Văn V có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện **V**, tỉnh H giải quyết việc ly hôn chị Hoàng Thị **B**, tranh chấp về nuôi con và tài sản. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện **V**, tỉnh H. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thu thập chứng cứ tài liệu, xác định các quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đến ngày 30/ 7/2019 đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử .

- Nhận định của Tòa án về các yêu cầu của các đương sư:

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn V và chị Hoàng Thị **B** kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **L**, huyện **V**, tỉnh H vào ngày 18/4/2012 đây là hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nên đã có con chung và tài sản chung, mâu thuẫn phát sinh do chị **B** đi làm thuê, không có thời gian chăm lo công việc gia đình, từ đó nghi ngờ nhau có quan hệ ngoại tình nên vợ chồng xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau vợ chông sống ly thân từ tháng 11 năm 2016 đến nay, nay anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng khắc phục được, có khắc phục cũng không có hạnh phuc nên anh yêu cầu được ly hôn. Tại cuộc hòa giải ngày 02 tháng 4 năm 2019, chị **B** cũng nhất trí ly hôn đối với anh V, để giải phóng khỏi sự ràng buộc về nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là thực tế, có căn cứ vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc thăm hỏi nhau nếu cố gắng khắc phục cũng không có hạnh phúc, hai bên đương sự đã thỏa thuận ly hôn nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn V và chị Hoàng Thị **B**, theo các quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung: cháu **Nguyễn Thị Quỳnh L** (sinh ngày 10/10/2012) hiện nay cháu đang ở với anh V tại Thôn Bản Lủa, xã **L**, huyện **V**, tinh H. tại cuộc hòa giải hai bên đương sự không thỏa thuận việc giao nuôi con chung sau khi ly hôn và hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con thể hiện trách nhiệm của người cha, me đối với con chưa thành niên khi bố mẹ ly hôn. Tại phiên Tòa hôm nay chị **B** nhất trí giao cháu **L** cho anh V được nuôi dưỡng giáo dục và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX nhận thấy sự thỏa thuận tự nguyên việc chia giao con của anh V và chị **B** là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự được quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chị **B** được quyền thăm con theo quy định của pháp luật

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, anh V không yêu cầu chị **B** phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu anh V là tự nguyện không bị ép buộc phù hợp với điều kiện ăn, ở, học hành của cháu **L** hiện nay cũng như nguyện vọng của chị **B**. Do vậy không buộc chị **B** phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị **B** được quyền thăm con theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 10/ 07/ 2019 chị **B** đã có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung được Tòa án chấp nhận và Tòa án đã quyết đinh đình chỉ giải quyêt yêu cầu phản tố của chị **B**. Tại phiên Tòa hai bển đương sự không có ý kiến, thay đổi bổ sung yêu cầu của mình các bên đương sự tự thỏa thuận việc chia giao tài sản không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội dồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. **Về án phí**: anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. **Về chi phí tố tụng:**

- Trong Quá trình giải quyết vụ án Chị Hoàng Thị **B** đã nộp khoản tiền tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản 3.000.000đ ngày 10/ 07/ 2019 chị **B** đã xin rút yêu cầu chia tài sản chung và Tòa án đã quyết đinh đình chỉ giải quyêt yêu cầu phản tố của chị **B**. Do vậy trả lại cho chị Hoàng Thị **B**, số tiền tạm ưng chi phí tố tụng là 3.000.000đ (ba triệu)(đã trả song)

[7]. **Quyền kháng cáo**: Các đương sự kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 55; khoản 1 khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị **B** và anh Nguyễn Văn V..

2. Về con chung:

Xử: Giao cháu **Nguyễn Thị Quỳnh L** (sinh ngày 10/10/2012) cho anh Nguyễn Văn V, địa chỉ: Thôn Bản Lủa, xã **L**, huyện **V**, tỉnh H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày 16/ 8/2019, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi(.....)

3. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là: 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 02159 ngày 01 tháng 3 năm 2019 (anh V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo:

Báo cho các bên đương sự có mặt biết, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 16 / 8 /2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện **V**;*
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND xã **L**, huyện VX;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự huyện VX;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đán Văn Đường

Bản án gốc được thông qua tại phòng xét xử cho các thành V hội đồng xét xử nghe nhất trí đúng nội dung đã thảo luận và ký tên.

THÀNH V HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM		THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Phùng Ngọc Tuấn	**Lục Thị Nhung**	**Đán Văn Đường**

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *Các đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- TAND tỉnh;
- UBND xã ,
*huyện **V**, tỉnh H;*
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Đán Văn Đường